

PHỤ LỤC 1

BIỂU PHÍ

BẢO HIỂM BẮT BUỘC TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ CỦA CHỦ XE CƠ GIỚI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 151/2012/TT-BTC ngày 12 tháng 9 năm 2012
của Bộ Tài chính)

Số tt	Loại xe	Phí bảo hiểm năm (đồng)
I	Mô tô 2 bánh	
1	Từ 50 cc trở xuống	55.000
2	Trên 50 cc	60.000
II	Xe mô tô ba bánh, xe gắn máy và các loại xe cơ giới tương tự	290.000
III	Xe ô tô không kinh doanh vận tải	
1	Loại xe dưới 6 chỗ ngồi	397.000
2	Loại xe từ 6 đến 11 chỗ ngồi	794.000
3	Loại xe từ 12 đến 24 chỗ ngồi	1.270.000
4	Loại xe trên 24 chỗ ngồi	1.825.000
5	Xe vừa chở người vừa chở hàng (Pickup, minivan)	933.000
IV	Xe ô tô kinh doanh vận tải	
1	Dưới 6 chỗ ngồi theo đăng ký	756.000
2	6 chỗ ngồi theo đăng ký	929.000
3	7 chỗ ngồi theo đăng ký	1.080.000
4	8 chỗ ngồi theo đăng ký	1.253.000
5	9 chỗ ngồi theo đăng ký	1.404.000
6	10 chỗ ngồi theo đăng ký	1.512.000
7	11 chỗ ngồi theo đăng ký	1.656.000
8	12 chỗ ngồi theo đăng ký	1.822.000
9	13 chỗ ngồi theo đăng ký	2.049.000
10	14 chỗ ngồi theo đăng ký	2.221.000
11	15 chỗ ngồi theo đăng ký	2.394.000
12	16 chỗ ngồi theo đăng ký	2.545.000
13	17 chỗ ngồi theo đăng ký	2.718.000
14	18 chỗ ngồi theo đăng ký	2.869.000
15	19 chỗ ngồi theo đăng ký	3.041.000

34	Gãy đầu dưới xương quay	7	13
35	Gãy mỏm trâm quay hoặc trụ	6	11
36	Gãy xương cổ tay	7	13
37	Gãy xương đốt bàn (tuỳ mức độ từ 1 đến nhiều đốt)	6	11
38	Gãy xương đòn:		
	- Can tốt	6	8
	- Can gỗ, cứng vai	13	18
	- Có chèn ép thần kinh mũ	21	25
39	Gãy xương bả vai:		
	- Gãy vỡ, khuyết phần thân xương	7	11
	- Gãy vỡ ngành ngang	12	15
	- Gãy vỡ phần khớp vai	21	28
40	Gãy xương ngón tay (tuỳ mức độ từ 1 đến nhiều ngón)	2	8
	B. CHI DƯỚI		
41	Mất 1 chân từ háng xuống (tháo khớp háng 1 đùi)	53	60
42	Cắt cụt 1 đùi : - 1/3 trên	49	56
	- 1/3 giữa hoặc dưới	39	53
43	Cắt cụt 1 chân từ gối xuống (tháo khớp gối)	42	49
44	Tháo khớp cổ chân hoặc mất 1 bàn chân	39	46
45	Mất xương sên	25	28
46	Mất xương gót	25	32
47	Mất đoạn xương chày, mác gây khớp giả cẳng chân	25	32
48	Mất đoạn xương mác	14	21
49	Mất mắt cá chân: - Mắt cá ngoài	7	11
	- Mắt cá trong	11	14
50	Mất cả 5 ngón chân	32	39
51	Mất 4 ngón cả ngón cái	27	34
52	Mất 4 ngón trừ ngón cái	25	32
53	Mất 3 ngón, 3-4-5	18	21
54	Mất 3 ngón, 1-2-3	21	25
55	Mất 1 ngón cái và ngón 2	14	18
56	Mất 1 ngón cái	11	14
57	Mất 1 ngón ngoài ngón cái	7	11
58	Mất 1 đốt ngón cái	6	8

83	Gãy xương chậu 2 bên, méo xương chậu (tuỳ mức độ ảnh hưởng đến sinh đẻ)	28	42
84	Gãy xương cụt: - Không rối loạn cơ tròn	7	11
	- Có rối loạn cơ tròn.	18	25
	C. CỘT SỐNG		
85	Cắt bỏ cung sau : - Cột 1 đốt sống	25	28
	- Cột 2 – 3 đốt sống trở lên	32	42
86	Gãy xẹp thân 1 đốt sống (không liệt tuỷ)	21	28
87	Gãy xẹp thân 2 đốt sống trở lên (không liệt tuỷ)	32	42
88	Gãy vỡ mòm gai hoặc mòm bên :		
	- Cột 1 đốt sống	7	12
	- Cột 2 – 3 đốt sống	18	32
	D. SỌ NÃO		
89	Khuyết xương sọ (chưa có biểu hiện thần kinh, tâm thần)		
	- Đường kính dưới 6 cm	18	28
	- Đường kính từ 6 – 10 cm	28	42
	- Đường kính trên 10 cm	35	49
90	Rối loạn ngôn ngữ do ảnh hưởng của vết thương đại não		
	- Nói ngọng, Nói lắp khó khăn ảnh hưởng đến giao tiếp	21	28
	- Không nói được (câm) do tổn hại vùng Broca	42	49
	- Mất khả năng giao dịch bằng chữ viết (mất nhận biết về ngôn ngữ do tổn hại vùng Wernicke)	39	49
91	Lột da đầu toàn bộ (1 phần theo tỉ lệ)	32	39
92	Vết thương sọ não hở:		
	- Xương bị nứt rạn	28	35
	- Lún xương sọ	21	28
	- Nhiều mảnh xương đi sâu vào não	35	42
93	Chấn thương sọ não kín		
	- Vỡ vòm sọ (đường rạn nứt thường, lõm hoặc lún xương)	14	21
	- Vỡ xương lan xuống nền sọ không có liệt dây thần kinh ở nền sọ	21	28
	- Vỡ xương lan xuống nền sọ, liệt dây thần kinh ở nền sọ	28	35
94	Chấn thương não		

116	Cắt bỏ gan phải đơn thuần	49	56
117	Cắt bỏ gan trái đơn thuần	42	49
118	Cắt phân thủy gan, tùy vị trí, số lượng và kết quả phẫu thuật	28	42
119	Cắt bỏ túi mật	32	39
120	Cắt bỏ lá lách	28	35
121	Cắt bỏ đuôi tụy, lách	42	49
122	Khâu lỗ thủng dạ dày	18	25
123	Khâu lỗ thủng ruột non (tùy theo mức độ 1 lỗ hay nhiều lỗ thủng)	21	32
124	Khâu lỗ thủng đại tràng	21	28
125	Đụng rập gan, khâu gan	25	32
126	Khâu vỏ lá lách	18	25
127	Khâu tụy	21	25
	H. CƠ QUAN TIẾT NIỆU, SINH DỤC		
128	Cắt bỏ 1 thận, thận còn lại bình thường	35	42
129	Cắt bỏ 1 thận, thận còn lại bị tổn thương hoặc bệnh lý	49	56
130	Cắt 1 phần thận trái hoặc phải	21	28
131	Chấn thương thận (tùy theo mức độ và 1 hoặc 2 bên)		
	- Nhẹ (không phải xử lý đặc hiệu, theo dõi dưới 5 ngày)	3	6
	- Trung bình (phải dùng thuốc đặc trị, theo dõi trên 5 ngày)	7	11
	- Nặng (có đụng rập, phải can thiệp ngoại khoa)	33	39
132	Cắt 1 phần bàng quang	19	25
133	Mổ thông bàng quang vĩnh viễn	49	56
134	Khâu lỗ thủng bàng quang	21	25
135	Mất dương vật và 2 tinh hoàn ở người		
	- Dưới 55 tuổi chưa có con	49	56
	- Dưới 55 tuổi có con rồi	39	46
	- Trên 55 tuổi	25	28
136	Cắt bỏ dạ con và buồng trứng 1 bên ở người		
	- Dưới 45 tuổi chưa có con	42	49
	- Dưới 45 tuổi có con rồi	21	28
	- Trên 45 tuổi	18	21
137	Cắt vú ở nữ dưới 45 tuổi: 1 bên	14	21

151	Mất toàn bộ xương hàm trên hoặc dưới	49	56
152	Mất 1 phần xương hàm trên hoặc 1 phần xương hàm dưới (từ 1/3 đến 1/2 bị mất) từ cạnh cao trở xuống	25	32
153	Gãy xương hàm trên và hàm dưới can xấu gây sai khớp cắn nhai, ăn khó	21	25
154	Gãy xương gò má, cung tiếp xương hàm trên hoặc xương hàm dưới gây rối loạn nhẹ khớp cắn và chức năng nhai.	11	18
155	Khớp hàm giả do không liền xương hay khuyết xương	14	18
156	Mất răng: Trên 8 cái không lắp được răng giả	21	28
	Từ 5 – 7 răng	11	18
	Từ 3 – 4 răng	6	8
	Từ 1 – 2 răng	2	4
157	Mất 3/4 lưỡi còn gốc lưỡi (từ đường gai V trở ra)	53	60
158	Mất 2/3 lưỡi từ đầu lưỡi	35	42
159	Mất 1/3 lưỡi ảnh hưởng đến phát âm	11	18
160	Mất 1 phần nhỏ lưỡi (dưới 1/3) ảnh hưởng đến phát âm	7	11
	M. VẾT THƯƠNG PHẦN MỀM, BỎNG		
161	Vết thương phần mềm (VTPM) bao gồm rách da, rách niêm mạc, bong gân, sai khớp .. không ảnh hưởng tới cơ năng (tuỳ theo mức độ nặng, nhẹ, nhiều, ít)	1	8
162	VTPM gây đau, rát, tê, co kéo (tuỳ mức độ rộng hẹp, nhiều ít), ảnh hưởng đến gân, cơ, mạch máu lớn, thần kinh	8	18
163	VTPM ở ngực, bụng ảnh hưởng đến hô hấp	25	32
164	VTPM để lại sẹo xơ cứng làm biến dạng mặt gây trở ngại đến ăn, nhai và cử động cổ	28	42
165	VTPM khuyết hồng lớn ở chung quanh hốc miệng, vết thương môi và má ảnh hưởng nhiều đến ăn uống.	35	42
166	Mất 1 phần hàm ếch làm thông giữa mũi và miệng	14	21
167	Bỏng nông (độ I, độ II)		
	- Diện tích dưới 5%	2	5
	- Diện tích từ 5 – 15%	7	11
	- Diện tích trên 15%	11	18
168	Bỏng sâu (độ III, độ IV, độ V)		

PHỤ LỤC 3
MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN BẢO HIỂM BẮT BUỘC TNDS CỦA CHỦ XE MÔ TÔ - XE MÁY
(Ban hành kèm theo Thông tư số 151/2012/TT-BTC ngày 12 tháng 09 năm 2012 của Bộ Tài chính)

<p align="center">LƯU Ý ĐỐI VỚI CHỦ XE, LÁI XE:⁽¹⁾</p> <p>1. Giấy chứng nhận bảo hiểm này được cấp theo Thông tư số 126/2008/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính quy định Quy tắc, điều khoản, biểu phí và mức trách nhiệm bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe cơ giới và Thông tư số 151/2012/TT-BTC ngày 12 tháng 9 năm 2012 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung Thông tư số 126/2008/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2008 và Thông tư số 103/2009/TT-BTC ngày 23 tháng 3 năm 2009. Chủ xe, lái xe cần đọc kỹ để biết được quyền lợi và nghĩa vụ của mình khi tham gia bảo hiểm.</p> <p>2. Khi sử dụng xe, luôn mang theo GCN bảo hiểm này để xuất trình khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.</p> <p>3. Khi tai nạn giao thông xảy ra, phải có trách nhiệm: - Áp dụng mọi biện pháp để cứu chữa người và tài sản. - Báo ngay cho cơ quan Công an (hoặc chính quyền địa phương) nơi gần nhất và doanh nghiệp bảo hiểm⁽²⁾.</p> <p>Đường dây nóng của DNBH: <input style="width: 100px;" type="text"/></p>	<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 20%; text-align: center; vertical-align: middle;">Logo</td> <td style="width: 80%; text-align: center; vertical-align: middle;">Công ty Bảo hiểm⁽⁴⁾</td> </tr> <tr> <td colspan="2" style="text-align: center; padding: 10px;"> GIẤY CHỨNG NHẬN BẢO HIỂM BẮT BUỘC TNDS CỦA CHỦ XE MÔ TÔ - XE MÁY⁽⁵⁾ </td> </tr> <tr> <td colspan="2" style="text-align: center; padding-top: 10px;">Số:⁽⁶⁾</td> </tr> </table>	Logo	Công ty Bảo hiểm ⁽⁴⁾	GIẤY CHỨNG NHẬN BẢO HIỂM BẮT BUỘC TNDS CỦA CHỦ XE MÔ TÔ - XE MÁY⁽⁵⁾		Số: ⁽⁶⁾	
Logo	Công ty Bảo hiểm ⁽⁴⁾						
GIẤY CHỨNG NHẬN BẢO HIỂM BẮT BUỘC TNDS CỦA CHỦ XE MÔ TÔ - XE MÁY⁽⁵⁾							
Số: ⁽⁶⁾							
Trang 4 90.467 mm	Trang 1 90.467 mm						

<p align="center">Số: A.....⁽⁷⁾</p> <p>CHỦ XE:</p> <p>ĐỊA CHỈ:</p> <p>DIỆN TÍCH:</p> <p>SỐ BIÊN KIỂM SOÁT:</p> <p>SỐ KHUNG:</p> <p>SỐ MÁY:</p> <p>LOẠI XE: Trên 50 cc <input type="checkbox"/> 50 cc trở xuống⁽⁸⁾ <input type="checkbox"/></p> <p>XE MÔ TÔ 3 BÁNH TƯƠNG TỰ <input type="checkbox"/></p> <p>1. MỨC TNDS ĐỐI VỚI NGƯỜI THỨ BA</p> <p>- Về người: 70 triệu đồng/lần tai nạn/lyp.</p> <p>- Về tài sản: 40 triệu đồng/lyp.</p> <p>2. THỜI HẠN BẢO HIỂM</p> <p>- Từ..... giờ, ngày..... tháng..... năm 20....</p> <p>- Đến..... giờ, ngày..... tháng..... năm 20....</p>	<p>3. PHÍ BẢO HIỂM</p> <p>- Xe 50 cc trở xuống: 55.000 đồng</p> <p>- Xe trên 50 cc: 60.000 đồng</p> <p>- Xe mô tô 3 bánh và tương tự: 290.000 đồng</p> <p>- Phí bảo hiểm phải nộp (có VAT)..... đồng</p> <p>+ Phí bảo hiểm nộp kỳ 1:..... đồng</p> <p>Ngày nộp: (ngày..... tháng..... năm.....)</p> <p>+ Phí bảo hiểm nộp kỳ 2:..... đồng</p> <p>Ngày nộp: (ngày..... tháng..... năm.....)</p> <p>4. NGƯỜI CẤP⁽¹⁰⁾</p> <p>- Cán bộ doanh nghiệp <input type="checkbox"/></p> <p>- Đại lý <input type="checkbox"/> ⁽¹¹⁾</p> <p>- Hình thức khác <input type="checkbox"/></p> <p align="center"><small>(Chữ, ghi rõ họ tên)</small></p> <p align="center">Cấp ngày..... tháng..... năm 20....⁽¹²⁾</p> <p align="center">TÊN NGƯỜI CẤP⁽¹³⁾</p> <p align="center"><small>(Chữ, ghi rõ họ tên, đóng dấu của nơi cấp)</small></p>
Trang 2 90.467 mm	Trang 3 90.467 mm

Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe mô tô - xe máy được in trên nền vàng chanh

(1) Phông chữ Times New Roman, loại chữ in hoa, cỡ chữ 11, kiểu chữ đứng và đậm (Màu đỏ cờ)

(2) Phông chữ Times New Roman, loại chữ thường, cỡ chữ 9,5, kiểu chữ nghiêng (Màu xanh tím)

(3) Phông chữ Times New Roman, loại chữ thường, cỡ chữ 9, kiểu chữ đứng và đậm (Màu xanh tím)

(4) Phông chữ Times New Roman, loại chữ thường, cỡ chữ 12, kiểu chữ đứng và đậm (Màu xanh tím)

(5) Phông chữ Times New Roman, loại chữ in hoa, cỡ chữ 13,5, kiểu chữ đứng và đậm (Màu xanh tím)

(6) Phông chữ Times New Roman, loại chữ thường, cỡ chữ 11,5, kiểu chữ đứng và đậm (Màu xanh tím)

(7) Phông chữ Times New Roman, loại chữ thường, cỡ chữ 7,5, kiểu chữ đứng (Màu xanh tím)

(8) Phông chữ Times New Roman, loại chữ in hoa, cỡ chữ 7,5, kiểu chữ đứng (Màu xanh tím)

(9) Phông chữ Times New Roman, loại chữ thường, cỡ chữ 8,8, kiểu chữ đứng (Màu xanh tím)

(10) Phông chữ Times New Roman, loại chữ in hoa, cỡ chữ 7,36, kiểu chữ đứng và đậm (Màu đỏ cờ)

(11) Phông chữ Times New Roman, loại chữ thường, cỡ chữ 7,36, kiểu chữ đứng (Màu xanh tím)

(12) Phông chữ Times New Roman, loại chữ thường, cỡ chữ 7, kiểu chữ nghiêng (Màu xanh tím)

(13) Phông chữ Times New Roman, loại chữ in hoa, cỡ chữ 7,5, kiểu chữ đứng (Màu xanh tím)

PHỤ LỤC 4
MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN BẢO HIỂM BẮT BUỘC TNDS CỦA CHỦ XE Ô TÔ
(Ban hành kèm theo Thông tư số 151/2012/TT-BTC ngày 12 tháng 09 năm 2012 của Bộ Tài chính)

<p>LƯU Ý ĐỐI VỚI CHỦ XE, LÁI XE:^(*)</p> <p>1. Giấy chứng nhận bảo hiểm này được cấp theo Thông tư số 126/2008/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính quy định Quy tắc, điều khoản, biểu phí và mức trách nhiệm bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe cơ giới và Thông tư số 151/2012/TT-BTC ngày 12 tháng 9 năm 2012 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung Thông tư số 126/2008/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2008 và Thông tư số 103/2009/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2009. Chủ xe, lái xe cần đọc kỹ để biết được quyền lợi và nghĩa vụ của mình khi tham gia bảo hiểm.</p> <p>2. Khi sử dụng xe, luôn mang theo GCN bảo hiểm này để xuất trình khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.</p> <p>3. Khi tai nạn giao thông xảy ra, phải có trách nhiệm: - Áp dụng mọi biện pháp để cứu chữa người và tài sản. - Báo ngay cho cơ quan Công an (hoặc chính quyền địa phương) nơi gần nhất và doanh nghiệp bảo hiểm^(**)</p> <p style="text-align: right;">Đường dây nóng của DNBH <input style="width: 100px;" type="text"/></p>	<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; margin-bottom: 10px;"> <p style="text-align: center;">Logo Công ty Bảo hiểm</p> </div> <div style="border: 1px solid black; padding: 20px; text-align: center;"> <p>GIẤY CHỨNG NHẬN BẢO HIỂM BẮT BUỘC TNDS CỦA CHỦ XE Ô TÔ ⁽¹⁾</p> <p style="text-align: center;">Số: ⁽²⁾</p> </div>
Trang 4 90 mm	Trang 1 90 mm

<p style="text-align: center;">Số: A ⁽¹⁾</p> <p>CHỦ XE:</p> <p>ĐỊA CHỈ:</p> <p>DIỆN THOẠI:</p> <p>SỐ BIÊN KIỂM SOÁT:</p> <p>SỐ KHUNG:</p> <p>SỐ MÁY:</p> <p>LOẠI XE:</p> <p>TRONG TÀI: tấn</p> <p>SỐ CHỖ NGỒI: chỗ</p> <p>MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG:⁽²⁾ Kinh doanh <input type="checkbox"/> Không kinh doanh <input type="checkbox"/></p> <p>1. MỨC TNDS ĐỐI VỚI NGƯỜI THỨ BA ⁽³⁾ - Về người: 70 triệu đồng/1 người/1 vụ. - Về tài sản: 70 triệu đồng/1 vụ</p> <p>2. MỨC TNDS ĐỐI VỚI HÀNH KHÁCH ⁽⁴⁾ - Về người: 70 triệu đồng/1 người/1 vụ.</p>	<p>3. THỜI HẠN BẢO HIỂM - Từ.....giờ, ngày.....tháng.....năm 20..... - Đến.....giờ, ngày.....tháng.....năm 20.....</p> <p>4. PHÍ BẢO HIỂM - Phí bảo hiểm.....đồng - Phí bảo hiểm phải nộp (có VAT).....đồng + Phí bảo hiểm nộp kỳ 1:.....đồng Ngày nộp: (ngày.....tháng.....năm.....) + Phí bảo hiểm nộp kỳ 2:.....đồng Ngày nộp: (ngày.....tháng.....năm.....)</p> <p>5. NGƯỜI CẤP 6. NGƯỜI NỘP TIỀN - Căn hộ doanh nghiệp <input type="checkbox"/> (Ký, ghi rõ họ tên) - Đại lý <input type="checkbox"/> - Hình thức khác <input type="checkbox"/> (Ký, ghi rõ họ tên) Cấp ngày:.....tháng.....năm.....⁽⁵⁾ TÊN DNBH CẤP ⁽⁶⁾ <small>(Ký, ghi rõ họ tên nộp phí, ghi rõ họ tên, đóng dấu của chủ xe)</small></p>
Trang 2 90 mm	Trang 3 90 mm

- Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe ô tô được in trên nền màu vàng chanh**
- (1) Phông chữ Times New Roman, loại chữ in thường, cỡ chữ 7.5, kiểu chữ đứng và đậm (Màu xanh tím)
 - (2) Phông chữ Times New Roman, loại chữ in hoa, cỡ chữ 10.5, kiểu chữ đứng (Màu xanh tím)
 - (3) Phông chữ Times New Roman, loại chữ thường, cỡ chữ 12.5, kiểu chữ đứng (Màu xanh tím)
 - (4) Phông chữ Times New Roman, loại chữ in hoa, cỡ chữ 11, kiểu chữ đứng và đậm (Màu đỏ cờ)
 - (5) Phông chữ Times New Roman, loại chữ thường, cỡ chữ 10.8, kiểu chữ đứng (Màu xanh tím)
 - (6) Phông chữ Times New Roman, loại chữ thường, cỡ chữ 10, kiểu chữ nghiêng (Màu xanh tím)
 - (7) Phông chữ Times New Roman, loại chữ in hoa, cỡ chữ 10, kiểu chữ đứng (Màu xanh tím)
 - (8) Phông chữ Times New Roman, loại chữ in hoa, cỡ chữ 10, kiểu chữ đứng và đậm (Màu đỏ cờ)
 - (9) Phông chữ Times New Roman, loại chữ thường, cỡ chữ 12, kiểu chữ nghiêng (Màu xanh tím)
 - (10) Phông chữ Times New Roman, loại chữ thường, cỡ chữ 8.5, kiểu chữ đứng và đậm (Màu xanh tím)
 - (11) Phông chữ Times New Roman, loại chữ in hoa, cỡ chữ 15, kiểu chữ đứng và đậm (Màu xanh tím)
 - (12) Phông chữ Times New Roman, loại chữ thường, cỡ chữ 11, kiểu chữ đứng và đậm (Màu xanh tím)

PHỤ LỤC 5.1

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN BẢO HIỂM BẮT BUỘC TNDS VÀ GIẤY CHỨNG NHẬN BẢO HIỂM TỰ NGUYỆN CỦA CHỦ XE MÔ TÔ - XE MÁY
 (Ban hành kèm theo Thông tư số 151/2012/TT-BTC ngày 12 tháng 09 năm 2012 của Bộ Tài chính)

<p>LƯU Ý ĐỐI VỚI CHỦ XE, LÁI XE:⁽¹⁾</p> <p>1. Giấy chứng nhận bảo hiểm này được cấp theo Thông tư số 126/2008/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính Quy định quy tắc, điều khoản, biểu phí và mức trách nhiệm bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe cơ giới và Thông tư số 151/2012/TT-BTC ngày 12 tháng 9 năm 2012 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung Thông tư số 126/2008/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2008 và Thông tư số 103/2009/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2009. Chủ xe, lái xe cần đọc kỹ để biết được quyền lợi và nghĩa vụ của mình khi tham gia bảo hiểm.</p> <p>2. Khi sử dụng xe, luôn mang theo GCN bảo hiểm này để xuất trình khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.</p> <p>3. Khi tai nạn giao thông xảy ra, phải có trách nhiệm: - Áp dụng mọi biện pháp để cứu chữa người và tài sản. - Báo ngay cho cơ quan Công an (hoặc chính quyền địa phương) nơi gần nhất và doanh nghiệp bảo hiểm⁽²⁾.</p> <p>Đường dây nóng của DNBH:⁽³⁾ <input style="width: 100px;" type="text"/></p>	Logo	Công ty Bảo hiểm ⁽⁴⁾	Logo	Công ty Bảo hiểm ⁽⁷⁾	
<p>GIẤY CHỨNG NHẬN BẢO HIỂM BẮT BUỘC TNDS CỦA CHỦ XE MÔ TÔ - XE MÁY⁽⁵⁾</p> <p>Số:⁽⁶⁾</p>		<p>GIẤY CHỨNG NHẬN⁽⁶⁾ BẢO HIỂM TỰ NGUYỆN MÔ TÔ - XE MÁY</p> <p>Số:⁽⁹⁾</p>			
90.467 mm	90.467 mm		90.467 mm		

<p>NỘI DUNG GCNBH TỰ NGUYỆN⁽¹⁰⁾</p>	<p>Số: B⁽¹¹⁾</p> <p>CHỦ XE:</p> <p>ĐỊA CHỈ:</p> <p>DIỆN TÍCH:</p> <p>SỐ BIÊN KIỂM SOÁT:</p> <p>SỐ KHUNG:</p> <p>SỐ MÁY:</p> <p>LOẠI XE: Trên 50 cc <input type="checkbox"/> 50 cc trở xuống <input type="checkbox"/>⁽¹²⁾</p> <p>XE MÔ TÔ 3 BÁNH TƯƠNG TỰ <input type="checkbox"/></p> <p>1. MỨC TNDS ĐỐI VỚI NGƯỜI THỨ BA - Về người: 70 triệu đồng/người/lần. - Về tài sản: 40 triệu đồng/lần.</p> <p>2. THỜI HẠN BẢO HIỂM - Từ giờ, ngày tháng năm 20.... - Đến giờ, ngày tháng năm 20....</p>	<p>3. PHÍ BẢO HIỂM</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xe 50 cc trở xuống: 55.000 đồng - Xe trên 50 cc: 60.000 đồng - Xe mô tô 3 bánh và tương tự: 290.000 đồng - Phí bảo hiểm phát nộp (có VAT): đồng + Phí bảo hiểm nộp kỳ 1: đồng Ngày nộp: (ngày tháng năm) + Phí bảo hiểm nộp kỳ 2: đồng Ngày nộp: (ngày tháng năm) <p>4. NGƯỜI CẤP⁽¹⁴⁾</p> <p>- Cán bộ doanh nghiệp <input type="checkbox"/></p> <p>- Đại lý <input type="checkbox"/> ⁽¹⁵⁾</p> <p>- Hình thức khác <input type="checkbox"/></p> <p style="text-align: right;">Cấp ngày tháng năm 20....⁽¹⁶⁾ Tên người cấp ⁽¹⁷⁾ (Chữ, ghi rõ họ tên)</p>
90.467 mm	90.467 mm	90.467 mm

Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe mô tô - xe máy được in trên nền vàng chanh

(1) Phông chữ Times New Roman, loại chữ in hoa, cỡ chữ 11, kiểu chữ đứng và đậm (Màu đỏ cờ)

(2) Phông chữ Times New Roman, loại chữ thường, cỡ chữ 9,5, kiểu chữ nghiêng (Màu xanh tím)

(3) Phông chữ Times New Roman, loại chữ thường, cỡ chữ 9, kiểu chữ đứng và đậm (Màu xanh tím)

(4) Phông chữ Times New Roman, loại chữ thường, cỡ chữ 12, kiểu chữ đứng và đậm (Màu xanh tím)

(5) Phông chữ Times New Roman, loại chữ in hoa, cỡ chữ 13,5, kiểu chữ đứng và đậm (Màu đen)

(6) Phông chữ Times New Roman, loại chữ thường, cỡ chữ 11,5, kiểu chữ đứng và đậm (Màu xanh tím)

(7) Phông chữ Times New Roman, loại chữ thường, cỡ chữ 12, kiểu chữ đứng và đậm (Màu đen)

(8) Phông chữ Times New Roman, loại chữ in hoa, cỡ chữ 13,5, kiểu chữ đứng và đậm (Màu xanh tím)

(9) Phông chữ Times New Roman, loại chữ thường, cỡ chữ 11,5, kiểu chữ đứng và đậm (Màu xanh tím)

(10) Phông chữ Times New Roman, loại chữ in hoa, cỡ chữ 14, kiểu chữ đứng và đậm (Màu xanh tím)

(11) Phông chữ Times New Roman, loại chữ thường, cỡ chữ 7,5, kiểu chữ đứng (Màu xanh tím)

(12) Phông chữ Times New Roman, loại chữ in hoa, cỡ chữ 7,5, kiểu chữ đứng (Màu xanh tím)

(13) Phông chữ Times New Roman, loại chữ thường, cỡ chữ 8,8, kiểu chữ đứng (Màu xanh tím)

(14) Phông chữ Times New Roman, loại chữ in hoa, cỡ chữ 7,5, kiểu chữ đứng và đậm (Màu đỏ cờ)

(15) Phông chữ Times New Roman, loại chữ thường, cỡ chữ 8,5, kiểu chữ đứng (Màu xanh tím)

(16) Phông chữ Times New Roman, loại chữ thường, cỡ chữ 7, kiểu chữ nghiêng (Màu xanh tím)

(17) Phông chữ Times New Roman, loại chữ in hoa, cỡ chữ 7,5, kiểu chữ đứng (Màu xanh tím)

PHỤ LỤC 5.2
MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN BẢO HIỂM BẮT BUỘC TNDS VÀ GIẤY CHỨNG NHẬN BẢO HIỂM TỰ NGUYỆN CỦA CHỦ XE Ô TÔ
(Ban hành kèm theo Thông tư số 151/2012/TT-BTC ngày 12 tháng 09 năm 2012 của Bộ Tài chính)

NỘI DUNG GCNBH TỰ NGUYỆN TRANG 2	NỘI DUNG GCNBH TỰ NGUYỆN TRANG 3	NỘI DUNG GCNBH TỰ NGUYỆN TRANG 4	Logo Công ty Bảo hiểm GIẤY CHỨNG NHẬN BẢO HIỂM TỰ NGUYỆN CỦA CHỦ XE Ô TÔ⁽¹⁾ Số: ⁽¹¹⁾
Số: ⁽¹⁾ CHỦ XE: ĐỊA CHỈ: ĐIỆN THOẠI: SỐ BIÊN KIỂM SOÁT: SỐ KHUNG: SỐ MÁY: LOẠI XE: TRONG TÀI: tấn SỐ CHỖ NGỒI: chỗ MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ⁽²⁾ Kinh doanh <input type="checkbox"/> Không kinh doanh <input type="checkbox"/> 1. MỨC TNDS ĐỐI VỚI NGƯỜI THỬ BẠ⁽³⁾ - Về người: 70 triệu đồng/1 người/1 vụ. - Về tài sản: 70 triệu đồng/1 vụ. 2. MỨC TNDS ĐỐI VỚI HÀNH KHÁCH - Về người: 70 triệu đồng/1 người/1 vụ.	3. THỜI HẠN BẢO HIỂM - Từ giờ, ngày tháng năm 20..... - Đến giờ, ngày tháng năm 20..... 4. PHÍ BẢO HIỂM - Phí bảo hiểm: đồng - Phí bảo hiểm phí nộp (có VAT): đồng - Phí bảo hiểm nộp kỳ 1: đồng Ngày nộp: (ngày tháng năm) - Phí bảo hiểm nộp kỳ 2: đồng Ngày nộp: (ngày tháng năm) 5. NGƯỜI CẤP 6. NGƯỜI NỘP TIỀN - Cán bộ doanh nghiệp <input type="checkbox"/> (Ký, ghi rõ họ tên) - Đại lý <input type="checkbox"/> - Hành trình khách <input type="checkbox"/> (Ký, ghi rõ họ tên) Cấp ngày: tháng năm TÊN DNBH CẤP ⁽¹¹⁾ <small>ĐƠN VỊ: CHỖ: PHÒNG:</small>	LƯU Ý ĐỐI VỚI CHỦ XE, LÁI XE:⁽⁴⁾ 1. Giấy chứng nhận bảo hiểm này được cấp theo Thông tư số 126/2009/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính quy định Quy tắc, điều khoản, điều phí và mức trách nhiệm bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe cơ giới và Thông tư số 151/2012/TT-BTC ngày 12 tháng 9 năm 2012 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung Thông tư số 126/2009/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2008 và Thông tư số 103/2009/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2009. Chủ xe, lái xe của đơn vị đã bị mất quyền lợi và nghĩa vụ của mình khi tham gia bảo hiểm. 2. Khi sử dụng xe, tuân mạng theo GCNB bảo hiểm này để xử lý khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu. 3. Khi tai nạn giao thông xảy ra, phải có trách nhiệm: - Áp dụng mọi biện pháp để cứu chữa người và tài sản. - Báo ngay cho cơ quan Công an (hoặc chính quyền địa phương) nơi gặp nạn và doanh nghiệp bảo hiểm. Đường dây nóng của DNBH:	Logo Công ty Bảo hiểm GIẤY CHỨNG NHẬN BẢO HIỂM BẮT BUỘC TNDS CỦA CHỦ XE Ô TÔ⁽¹⁾ Số: ⁽¹¹⁾

Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe ô tô được in trên nền màu vàng chanh
 (1) Phông chữ Times New Roman, loại chữ in thường, cỡ chữ 7.5, kiểu chữ đứng và đậm (Màu xanh tím)
 (2) Phông chữ Times New Roman, loại chữ in hoa, cỡ chữ 10.5, kiểu chữ đứng (Màu xanh tím)
 (3) Phông chữ Times New Roman, loại chữ thường, cỡ chữ 12.5, kiểu chữ đứng (Màu xanh tím)
 (4) Phông chữ Times New Roman, loại chữ in hoa, cỡ chữ 11, kiểu chữ đứng và đậm (Màu đỏ cờ)
 (5) Phông chữ Times New Roman, loại chữ thường, cỡ chữ 10.8, kiểu chữ đứng (Màu xanh tím)

(6) Phông chữ Times New Roman, loại chữ thường, cỡ chữ 10, kiểu chữ nghiêng (Màu xanh tím)
 (7) Phông chữ Times New Roman, loại chữ in hoa, cỡ chữ 10, kiểu chữ đứng (Màu xanh tím)
 (8) Phông chữ Times New Roman, loại chữ in hoa, cỡ chữ 10, kiểu chữ đứng và đậm (Màu đỏ cờ)
 (9) Phông chữ Times New Roman, loại chữ thường, cỡ chữ 12, kiểu chữ nghiêng (Màu xanh tím)
 (10) Phông chữ Times New Roman, loại chữ thường, cỡ chữ 8.5, kiểu chữ đứng và đậm (Màu xanh tím)
 (11) Phông chữ VnTime1, loại chữ in hoa, cỡ chữ 15, kiểu chữ đứng và đậm (Màu xanh tím)
 (12) Phông chữ VnTime, loại chữ thường, cỡ chữ 11, kiểu chữ đứng và đậm (Màu xanh tím)

PHỤ LỤC 6: BÁO CÁO BẢO HIỂM BẮT BUỘC TNDS CỦA CHỦ XE CƠ GIỚI
(Ban hành kèm theo Thông tư số 151/2012/TT-BTC ngày 12 tháng 9 năm 2012 của Bộ Tài chính)

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm:
- Báo cáo quý:..... /..... Từ đến

Loại xe	Số lượng xe (chiếc)			Phí bảo hiểm (triệu đồng)			Số vụ tai nạn (vụ)			Số người chết (người)			Số tiền bồi thường (triệu đồng)						
	Đầu kỳ	Phát sinh	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Phát sinh	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Phát sinh	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Phát sinh	Cuối kỳ	Về người			Về tài sản			
	Đầu kỳ	Phát sinh	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Phát sinh	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Phát sinh	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Phát sinh	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Phát sinh	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Phát sinh	Cuối kỳ	
I	Xe mô tô 2 bánh																		
II	Xe mô tô ba bánh, xe gắn máy và các loại xe cơ giới tương tự																		
III	Xe ô tô không kinh doanh vận tải (Chi tiết từng loại xe theo biểu phí)																		
IV	Xe ô tô kinh doanh vận tải (Chi tiết từng loại xe theo biểu phí)																		
V	Xe ô tô chở hàng (Chi tiết từng loại xe theo biểu phí)																		
TỔNG CỘNG																			

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

Người lập biểu
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm
Tổng giám đốc (Giám đốc)
(Ký và đóng dấu)